

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 6 - 2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Lê Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bảo T, sinh ngày 15/4/1999 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lưu Trung N, sinh ngày 27/11/1998 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Bảo T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2018 bà (Nguyễn Bảo T) và ông Lưu Trung N chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình tìm hiểu và chung sống với nhau vợ chồng thường bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi. Bà và ông N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lưu Trung N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Lưu Trung N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Bảo T yêu cầu ly hôn với ông Lưu Trung N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lưu Trung N vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân, bà T xác định bà và ông N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2018. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T và ông N được công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T xác định quá trình tìm hiểu và chung sống với nhau vợ chồng thường bất đồng quan điểm và tranh cãi. Bà và ông N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông N. Ông N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét cho thấy ông N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà T và ông N đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Bảo T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Bảo T ly hôn với ông Lưu Trung N.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Bảo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019062, ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước